TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN T
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:08/2020/DS-ST
Ngày 17-3-2020
V/v "*Tranh chấp hợp đồng mua bán"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN T-TỈNH LONG AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn H

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Hà Minh T

2.Bà Trần Thị N

-***Thư ký phiên tòa***: bà Nguyễn Thị Anh K - cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tân T.

Ngày 17 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2019/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:11/2020/QĐXX-ST ngày 14 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2020/QĐST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Năm T

Địa chỉ: số 122 ấp Huỳnh Thơ, xã Hậu T Đ, huyện Tân T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Văn T, sinh năm 1968. Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: ấp Huỳnh Thơ, xã Hậu T Đ, huyện Tân T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn: bà Trần Thị Nhựt Th, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp Huỳnh Thơ, xã Hậu T Đ, huyện Tân T, tỉnh Long An (Văn bản ủy quyền ngày 10/12/2019).

2.*Bị đơn*: ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1970

bà Huỳnh Thị Thu K, sinh năm 1968

Cùng cư trú: ấp Nguyễn Lộc, xã Hậu T Đ, huyện Tân T, tỉnh Long An.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Năm T, người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn bà Trần Thị Nhựt Th trình bày: Vợ chồng ông L, bà K đến Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Năm T (viết tắt Công ty) mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật nhiều lần, đến ngày 30/4/2012 âm lịch nhằm ngày 19/6/2012 dương lịch nợ số tiền 25.085.000đồng có viết xác nhận, hẹn đến vụ Đ Xuân năm 2012 trả 10.000.000đồng, vụ Hè Thu năm 2012 trả 5.085.000đồng còn lại số tiền 10.000.000đồng hẹn đến vụ Đ Xuân năm 2013 trả dứt điểm nhưng không trả. Cho đến ngày 03/9/2016 vợ chồng ông L trả được 2.000.000đồng còn lại 23.085.000đồng và đến ngày 22/11/2019 trả tiếp 7.000.000đồng. Nay yêu cầu ông L, bà K trả 16.085.000đồng và trả lãi suất theo quy định Nhà nước, thời gian tính từ ngày 04/9/016 đến ngày xét xử.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị Thu K tại bản tự khai ngày 08/8/2019 trình bày: Vợ chồng ông, bà thừa nhận còn thiếu tiền phân thuốc Năm T số tiền 23.085.000đồng, vì hoàn cảnh gia đình khó khăn nên xin trả mỗi vụ lên cá là 3.000.000đồng cho đến khi hết nợ, còn về lãi suất xin không tính.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*:

1.1Đối với ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị Thu K, ngày 20/02/2020 Tòa án giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-DS ngày 14/02/2020 và giao Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2020/QĐST-DS ngày 03/3/2020 đồng thời ấn định lại thời gian mở phiên tòa ngày 17/3/2020 nhưng ông L, bà K vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản" giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Năm T với vợ chồng ông Nguyễn Văn L, bà Huỳnh Thị Thu K là tranh chấp dân sự, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] *Về nội dung*:

2.1Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án bà Th cung cấp chứng cứ gồm: 01 biên nhận ngày 30/4/2012 âm lịch nhằm ngày 19/6/2012 và 01 giấy cam kết ngày 08/8/2019.

2.2Về biên nhận ngày 30/4/2012 âm lịch vợ chồng ông L, bà K ký tên và xác nhận thiếu tiền phân thuốc Năm T số tiền 25.085.000đồng có hẹn thời gian trả như sau: Vụ lúa Đ Xuân năm 2012 trả 10.000.000đồng, đến vụ Hè Thu năm 2012 trả 5.085.000đồng, còn lại đến vụ Đ Xuân năm 2013 trả 10.000.000đồng dứt điểm. Tại phiên tòa bà Th khai sau khi viết biên nhận xác định số tiền nợ và hẹn thời gian trả nhưng ông L, bà K không trả nợ Công ty, tuy nhiên bà Th thừa nhận đến ngày 03/9/2016 ông L, bà K có trả Công ty 2.000.000đồng còn lại số

tiền 23.085.000đồng. Còn đối với vợ chồng ông L, bà K được Tòa án tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 02 nhưng ông L, bà K vắng mặt.

2.3.Còn đối với giấy cam kết ngày 08/8/2019 của ông L và bà K, thì bà Th khai sau khi trả 2.000.000đồng ông L viết giấy cam kết có bà K cùng ký tên hẹn Công ty đến ngày 08/9/2019 hoàn trả số tiền nợ còn lại 23.085.000đồng. Xét thấy giấy cam kết ngày 08/8/2019 ông L, bà K hẹn Công ty đến ngày 08/9/2019 trả dứt điểm số tiền 23.085.000đồng, nhưng ông, bà không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ trả nợ Công ty.

Tuy nhiên tại phiên tòa bà Th khai thừa nhận đến ngày 22/11/2019 vợ chồng ông L có trả tiếp tiền nợ 7.000.000đồng nên còn nợ 16.085.000đồng, do đó bà yêu cầu ông L, bà K có nghĩa vụ trả Công ty số tiền 16.085.000đồng là có căn cứ. Bởi ngoài giấy cam kết trả nợ ngày 08/8/2019 của ông L, bà K ra thì tại bản tự khai ngày 08/8/2019 ông L, bà K thừa nhận còn nợ Công ty và xin trả mỗi vụ lên cá 3.000.000đồng.

[3]Về lãi suất, tại giấy cam kết ông L, bà K chấp nhận trả lãi 2%/tháng. Xét thấy việc thỏa thuận trả lãi 2%/ tháng của vợ chồng ông L cho Công ty là sự tự nguyện, mà theo pháp luật thì khoản 1 Điều 468 BLDS quy định: Lãi suất do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20% của khoản tiền vay..., nhưng tại phiên tòa bà Th yêu cầu ông L, bà K trả lãi với mức lãi suất 1%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 04/9/2016 đến ngày 22/11/2019 của số tiền nợ gốc 23.085.000đồng phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và được tính lãi như sau:

-Tiền gốc 23.085.000đồng tính từ ngày 04/9/2016 đến ngày 22/11/2019 là 38 tháng 18 ngày.

23.085.000đồng x 1%/ tháng x 38 tháng 18 ngày = 8.897.000đồng (lấy tròn số).

Còn đối với số tiền nợ gốc của Công ty 16.085.000đồng, tại phiên tòa bà Th không yêu cầu ông L và bà K trả lãi, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3.1.Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử buộc ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị Thu K có nghĩa vụ trả Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Năm T 02 khoản tiền gốc và lãi, tổng cộng 24.982.000đồng.

[4]Về án phí: Ông L, bà K có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Năm T không phải chịu án phí nên được hoàn trả theo quy định của pháp luật.

VÌ các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, 35, 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 430, 440, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Th vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Năm T.

1.Buộc ông Nguyễn Văn L, bà Huỳnh Thị Thu K có nghĩa vụ trả Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Năm T số tiền 24.982.000đồng (*Hai mươi bốn triệu chín trăm tám mươi hai nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 BLDS.

2.Về án phí: ông Nguyễn Văn L, bà Huỳnh Thị Thu K phải chịu 1.249.100đồng án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả Công ty TNHH MTV Năm T 950.766đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0000678 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân T.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Long An;
-VKSND huyện Tân T;
-Chi cục THADS huyện Tân T;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM-HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn H